

ĐƯỜNG  
BÁC HỒ  
ĐI  
CỨU NƯỚC



TRINH NIÊN

## ***Thông tin sách gốc***

*Tác phẩm: Đường Bác Hồ đi cứu nước*

*Tác giả:*

*Nhà xuất bản: Thanh Niên*

*Năm tác phẩm ra đời: 1975*

*Số trang: 365 trang (in trên khổ giấy A5)*

## **Thông tin ebook**

Đội ngũ đánh máy: [Như Hào](#), [alpah8x](#), [kzak27](#), [silence00](#), [tulipviet](#), [hongxuan](#).

Đội ngũ soát lỗi chính tả: [dtpmai189](#), [suongdem](#), [hongxuan](#), [teddy\\_M](#), [Lannua2003](#), [l](#)

Thể loại: Văn học Sử

Ngày hoàn thành: 17/10/2015

Người chế bản: [Zhiqiang](#)

Nguồn sách gốc: [dangtuanpr](#)

*Ebook này được thực hiện theo dự án "SỐ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG" của diễn đàn TVE-4U.ORG*

**Ebook miễn phí tại : [www.Sachvui.Com](http://www.Sachvui.Com)**

Mục lục

Lời tựa

ĐƯỜNG BÁC HỒ ĐI CỨU NƯỚC

Hồ Chủ tịch hình ảnh dân tộc

Làm bất cứ việc gì để sống và để đi

Bản yêu sách của nhân dân Việt Nam

Sống, làm việc gian khổ để học tập và hoạt động

Trong ngõ hẻm Công Poanh

Ở Đại hội Tua

Lời phát biểu tại đại hội Tua

Gặp “con cáo già” thuộc địa

Đến Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đầu tiên

Sáng lập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội

Trở về Tổ quốc cách mạng

LỜI KÊU GỌI [8]

"Vu án" ở Hương Cảng

Trở lại đất nước Xô viết.

Trên đường về nước qua Trung Quốc.

Từ Vân Nam – Tĩnh Tây về Pắc Bó

Bị Quốc dân đảng Trung Quốc bắt

Về Tân Trào

Một thời đại mới của dân tộc

## *Lời tựa*

Đường Bác Hồ đi cứu nước là một tập hợp các câu chuyện về con đường Bác Hồ đi cứu nước từ khi rời bến cảng nhà rồng cho đến lúc Bác về với cây đa Tân Trào. Đến với cuốn sách bạn sẽ thấy những ngày gian khổ của Bác và các đồng chí của mình khi tìm lối thoát cho dân tộc khỏi bị áp bức. Các câu chuyện được trình bày dung dị nhưng toát lên được tinh thần của vị cha già dân tộc.

Một cuốn sách lịch sử nhưng không hề khô khan, bạn sẽ phải phì cười khi biết Bác và các đồng đội của mình tìm được một chỗ ẩn náu lý tưởng trong màn sương nhưng đến khi sương tan mới biết mình đang ở giữa cánh đồng lớn. Và còn rất nhiều những câu chuyện khác không kém phần thú vị khác chờ đón bạn khám phá.

## **ĐƯỜNG BÁC HỒ ĐI CỨU NƯỚC**

*"Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta".*

Trích: "Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam do đồng chí Lê Duẩn Bí thư thứ nhất, đọc tại lễ truy điệu trọng thể Hồ Chủ tịch".

### **Hồ Chủ tịch hình ảnh dân tộc**

*"Bình sinh Hồ Chủ tịch là người rất giản dị, lão thực, vĩ nhân thật vĩ nhân bao giờ cũng giản dị lão thực. Đã cầu kỳ là thiếu bản lĩnh, cố làm trò để đánh lừa thiên hạ và hậu thế. Vua Nghiêu, vua Thuấn, Chúa Giê-du là những người giản dị, lão thực. Ông Lê-nin, ông Tôn Văn, thánh Găng-đi cũng là người giản dị lão thực. Bậc đại khoa hoặc đại văn hào cũng vậy. Trái lại Hít-le là một kẻ gian hung. Còn bên cạnh Hít-le, Mút-xô-li-ni chỉ là một thằng hề.*

*Xem một đôi bức ảnh Hồ Chủ tịch, có người nói mắt Người có hai con ngươi, và tin rằng vì chỗ đó, Người là một ông thánh. Làm gì có chuyện hoang đường như thế! Mắt Hồ Chủ tịch cũng như mắt mọi người sáng hơn mắt mọi người nhiều lắm đã đành, nhưng sáng hơn vì Người biết nhìn, nên nhìn thấy những cái mọi người không nhìn thấy; hiện tại, tương lai, cái nhỏ, cái to.*

*Hồ Chủ tịch là người Việt Nam, Việt Nam hơn Việt Nam nào hết. Ngót ba mươi năm bôn tẩu bốn phương trời, Người vẫn giữ thuần túy, phong độ, ngôn ngữ, tính tình của người Việt Nam. Ngôn ngữ của Người phong phú, ý vị như ngôn ngữ người dân quê Việt Nam; Người khéo dùng tục ngữ, hay nói ví, thường có lối châm biếm kín đáo và thú vị. Làm thơ,*

Người thích lối ca dao, vì ca dao là Việt Nam cũng như núi Tràn Sơn, hồ Hoàn Kiếm hay Đền Tháp Mười vậy. Mấy mươi năm xa cách quê hương, Người không quên mùi vị những thức ăn đặc biệt Việt Nam như cà muối, dưa chua, tương ớt, và ngày thường bây giờ, Người vẫn ưa thích những thứ ấy. Ngay sau khi về nước, gặp Tết, Người không quên mừng tuổi đồng bào hàng xóm và quà bánh cho trẻ em, tuy chỉ có mấy đồng xu nhưng cũng bọc giấy hồng đơn cẩn thận, tiêm tất. Bình sinh như thế, đứng địa vị Chủ tịch chính phủ kháng chiến kêu gọi quốc dân, Người dùng những lời nói thống thiết đi sâu vào tâm hồn Việt Nam: "Nhiều điều phụ lấy giá gương, người trong một nước thì thương nhau cùng".

Lối ăn ở của Hồ Chủ tịch giản dị như thế nào, chúng ta đã từng biết. Lúc ở chiến khu, Người sống chung với anh em trong một cơ quan, làm việc, học tập, ăn ở, sinh hoạt nhất nhất như anh em. Có những lúc vì gạo thiếu hay khí hậu nặng, cần ăn ít một chút Người cũng vui vẻ chịu đựng cùng anh em. Kể ra Người có chỗ được biệt đãi: Đó là bát nước cơm mà anh Lộc, đồng chí cấp dưỡng lãnh nghề và thân mến của chúng tôi lúc ấy, bao giờ cũng để dành riêng cho Người từ biên giới Cao Bằng cho đến Tân Trào, trước khi về Hà Nội. Ở Hà Nội Chủ tịch Chính phủ có phòng làm việc, phòng tiếp khách, nhiều khi chủ tọa những bữa tiệc long trọng, nhưng bình thường ngày hai bữa, Chủ tịch chính phủ cùng nhân viên đều ăn chung. Nhiều lần, vì đến quá trễ, thức ăn không còn gì Hồ Chủ tịch vẫn vui cười ăn đủ mấy bát cơm thường lệ.

Người vẫn thích đi bộ, tắm sông, hút thuốc lá và thỉnh thoảng uống một ly rượu thuốc trong bữa cơm. Trước đây, Người đi bộ một ngày 50 cây số là thường và có thể đi như thế ngày nọ qua ngày kia. Lúc ở Côn Minh, sáng nào Người cũng đi bộ một vòng quanh thành phố. Ở Liễu Châu, mùa đông, một hôm tướng Trương Phát Khuê đi ngựa dạo buổi sớm gặp Người tắm trên sông, Trương tướng quân lấy làm lạ một người ở phương Nam Á Châu chịu rét giỏi đến thế. Ở Cao Bằng, có lúc cơ quan đóng tại một cái suối lớn vừa ở trong hang đá chảy ra, nước trong xanh biếc dưới bóng mát

của rừng cây; Hồ Chủ tịch suốt ngày làm việc ở đó với cái bàn máy đánh chữ "Hét mét" luôn luôn đi theo Người từ năm 1938 đến khi về Hà Nội.

Ở rừng, Hồ Chủ tịch chủ trương tránh ăn no, không ngủ trưa và hoạt động thân thể, buổi sáng thể dục, buổi chiều làm vườn, lúc cần đi vác củi cho đồng bào. Suốt trong thời gian ở thượng du Bắc Bộ, trước cuộc khởi nghĩa, nhiều ngày Người luôn tay nắn hòn đá bầu dục, cốt để luyện gân tay và hoạt động cơ thể. Người ít ưa dùng thuốc, chỉ có lúc nào sức cơ thể chống không nổi bệnh mới dùng. Ở Hà Nội, bác sĩ Tùng, bác sĩ Cận chuyên lo sức khỏe của Người nhưng không mấy khi Người phiền đến. Ở Pháp, anh em buộc bác sĩ Cựu ở bên cạnh Người nhưng rồi bác sĩ làm việc văn phòng nhiều hơn thầy thuốc. Sinh hoạt chiến khu thường cực lắm, có lần suốt mấy tháng mùa mưa Hồ Chủ tịch ở trong một cái hang chật hẹp ẩm thấp, ban đêm sâu bọ ở ngoài tràn vào. Lúc ấy vì cơ sở quần chúng kém, nên phải ẩn nấp trong hang cùng, và cũng vì cơ sở quần chúng kém, nên dẫu ẩn nấp trong hang cùng mà cũng không yên, thường vẫn phải chạy "cảnh báo". Hễ có "cảnh báo" là phải mang hết đồ đạc chạy lánh đến một chỗ an toàn hơn. Lúc ấy Hồ Chủ tịch yếu, nhưng bất kỳ đêm ngày, hễ có tin địch là mấy phút sau Người đã sẵn sàng trước anh em, tay xách bàn máy đánh chữ.

Lúc đến Pháp, ngay hôm gặp đầu tiên, lối ăn ở giản dị của Hồ Chủ tịch làm cho kiều bào rất cảm động. Hôm ấy, tại Bi-a-rít, đại biểu kiều bào đến thăm Người, hồi hộp và sung sướng. Khách đông phòng khách không đủ ghế ngồi, giản dị Hồ Chủ tịch ngồi xuống sàn và mời mọi người ngồi thế nói chuyện. Đây không phải vị Chủ tịch chính phủ, đây là cha già của dân tộc ân cần và thân mật hỏi thăm đàn con bao năm lưu lạc ở quê người.

Hồ Chủ tịch, người giản dị ấy, cũng là người lịch sự một cách thanh tao cao quý và mọi người ngoại quốc có dịp tiếp chuyện Người đều ca ngợi cái phong độ thanh tao cao quý mà họ cho là đặc sắc của phương Đông. Ở chiến khu, trong cơ quan, Hồ Chủ tịch thường mặc một bộ đồ xanh, chân đi đất;



về Hà Nội, Người mặc một bộ đồ kaki, chân đi giầy vải. Nhưng sang Pháp thì Người mang giầy da và mặc một bộ đồ nỉ, cổ đứng. Ở Ba-lê có ngày Hồ Chủ tịch tiếp luôn ba bữa cơm khách, bữa sáng với bạn thân, bữa trưa với khách thường, bữa tối với khách đặc biệt, mỗi bữa có khi kéo dài ba tiếng đồng hồ, nhưng Hồ Chủ tịch thủy chung vẫn ân cần niềm nở.

Hồ Chủ tịch rất vui tính, vì vốn có cái tính lạc quan của những người quyết chiến quyết thắng ngày nay và quyết tâm xây đắp đời sống tốt đẹp cho dân tộc ngày mai. Trong những bữa cơm, tiệc trà thân mật giữa nhân viên cao cấp chính phủ, Hồ Chủ tịch vui thú, nói chuyện, làm thơ, khôi hài. Một đôi khi, Người thoát đến những buổi dạ hội tưng bừng ở nhà Hát lớn Hà Nội, các cháu thiếu nhi quây quần lại, nhưng một lát sau, Người nhẹ bước biến đi đâu mất. Người thích hoa và có kể câu chuyện ở Nga cũng như ở các nước Âu Mỹ, người ta dùng phi cơ chở các thứ hoa ở xa về để trang điểm đời sống hàng ngày cả đô thị lớn. Nhưng trong vườn hoa Chủ tịch phủ, hoa ngày càng nhường chỗ cho khoai, bắp. Gần Côn Minh, có núi Tây Sơn, một thắng cảnh có tiếng; một hôm anh em muốn đi xem, Hồ Chủ tịch bảo: "Nếu tiện lắm sẽ hay; chúng ta là người cách mạng chú không phải kẻ du lịch."

Đời sống Hồ Chủ tịch là một đời sống khắc khổ, cần lao và tranh đấu. Người lãnh tụ của một dân tộc mất nước không thể có một đời sống khác. Phải khắc khổ, cần lao và tranh đấu để mưu cầu hạnh phúc ngày mai. Có người e đời sống nghiêm khắc ấy không còn chỗ cho tình cảm. Nhưng chính Hồ Chủ tịch thường nói người cách mạng là người rất giàu tình cảm, và vì giàu tình cảm nên làm cách mạng. Người mà cả dân tộc tôn làm vị cha già của mình phải có lòng thương mến nồng xúc động đến tâm can của mọi người. Trong thời kỳ bí mật, phút mặc niệm chiến sĩ cách mạng là lúc Hồ Chủ tịch rơi nước mắt. Tại Quốc Hội Hồ Chủ tịch vừa khóc vừa ôm hôn anh Nguyễn Văn Tạo sau khi anh đọc một bài diễn văn thống thiết về Nam Bộ.

*Người xưa nói: Có việc phải lo, lo trước thiên hạ, có việc đáng vui vui sau thiên hạ, Hồ Chủ tịch nói một cách giản dị và thống thiết hơn: "Một ngày đồng bào còn chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon; ngủ không yên."*

*Câu nói đó đã bộc lộ tâm trạng Người, mỗi tình cảm ruột thịt bao bọc trăm họ của đại gia đình Việt Nam.*

*Đối với người giản dị và lão thực ấy một câu nói là một việc làm và có làm thì mới nói. Giản dị và lão thực trong sự ăn ở, tính tình, trong lời nói, viết. Người cũng giản dị và lão thực trong chủ trương chính trị nữa. Dân tộc Việt Nam bây giờ muốn gì? Muốn thống nhất, độc lập, muốn no ấm, muốn biết chữ, muốn đời sống bớt tối tăm. Cho nên Hồ Chủ tịch chủ trương: đoàn kết kháng chiến, tăng gia sản xuất, bình dân học vụ, đời sống mới. Dân tộc Việt Nam quyết tâm và mỗi ngày tiến mạnh trên con đường sống còn sau lưng Hồ Chủ tịch.*

*Hồ Chủ tịch thật là hiện thân của dân tộc Việt Nam và mọi người Việt Nam đều thấy mình trong Hồ Chủ tịch.*

*Sức mạnh của Hồ Chủ tịch và sức mạnh của dân tộc Việt Nam là ở chỗ đoàn kết thống nhất ấy..."*

Tháng 8-1948 PHẠM VĂN ĐỒNG

(Trích bài "Hồ Chủ tịch hình ảnh dân tộc"; in trong cuốn: Hồ Chủ tịch lãnh tụ của chúng ta, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, năm 1967).

## ***Làm bất cứ việc gì để sống và để đi***

"Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là người thiếu niên 15 tuổi. Người thiếu niên ấy đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào. Lúc bấy giờ, Anh đã có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Anh đã tham gia

công tác bí mật, nhận công việc liên lạc. Anh khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu, nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào. Vì:

Cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương. Anh nhận điều đó là sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương.

Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau".

Cụ Hoàng Hoa Thám còn thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo lời người ta kể thì cụ còn nặng cốt cách phong kiến.

Anh thấy rõ và quyết định con đường nên đi. Cụ Phan Bội Châu vào bậc chú của Anh. Cụ Phan Bội Châu muốn đưa anh và một số thanh niên sang Nhật. Nhưng Anh không đi. Anh muốn làm gì?

Một vị trí thức ở Sài Gòn kể lại cho tôi:

"Trong khi còn học ở trường Chasseloup-Laubat, tôi gặp một người thanh niên ở Trung Bộ vào Sài Gòn, ở nhà một người bạn. Vì cùng một lứa tuổi, cho nên chúng tôi lập tức trở nên đôi bạn thân. Tôi đưa anh đến trước tiệm cà phê của Pháp xem đèn điện, xem chiếu bóng và máy nước. Những cái đó, trước kia anh chưa hề thấy.

Một hôm tôi mời anh ăn kem. Anh rất lạ. Lần đầu tiên anh mới nếm mùi kem.

Sau ít hôm, anh đột nhiên hỏi tôi: "Anh Lê, anh có yêu nước không."

Tôi ngạc nhiên và đáp: "Tất nhiên là có chứ!"

- Anh có thể giữ bí mật không?

- Có

- Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta. Nhưng nếu đi một mình, thật ra cũng có điều mạo hiểm, vì như khi đau ốm... Anh muốn đi với tôi không?

- Nhưng bạn ơi, chúng ta lấy đâu ra tiền mà đi?

- Đây, tiền đây.- Anh bạn của tôi vừa nói vừa giơ hai bàn tay. – Chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi. Thế thì anh cùng đi với tôi chứ?

Bị lôi cuốn vì lòng hăng hái của anh, tôi đồng ý.

Nhưng sau khi suy nghĩ kỹ về cuộc phiêu lưu, tôi không có đủ can đảm để giữ lời hứa.

Vài ngày sau, tôi không gặp lại anh bạn nữa. Tôi đoán là anh ta đã đi ngoại quốc. Anh ta đi bằng cách nào? Tôi không biết. Về sau, tôi chỉ biết người thanh niên yêu nước đầy nhiệt huyết ấy là cụ Nguyễn Ái Quốc, là Hồ Chủ tịch của chúng ta ngày nay.

Chính ông Mai ở Hải Phòng, nhân viên cũ trên một chiếc tàu Pháp của hãng “Vận tải hợp nhất” đã cho chúng tôi biết những điều mà ông Lê không rõ.

Ông Mai kể lại:

Vào khoảng giữa năm 1911 hay 1912 – Tôi không nhớ đúng nữa – tôi làm việc ở phòng ăn của các sĩ quan trên tàu. Tàu chúng tôi cập bến Sài Gòn để lấy hàng và đón khách.

Một buổi trưa, một người trai trẻ lên tàu. Sau một phút ngập ngừng anh ta hỏi xin việc.

Chúng tôi trả lời là không có việc gì và có chăng nữa, chúng tôi cũng không có quyền nhận anh ta.

Chúng tôi cười vì chàng trai có vẻ một anh học trò không phải là người lao động như chúng tôi. Chúng tôi nói nhỏ với nhau: “Một người như thế có thể làm công việc gì trên tàu?”

Tôi không hiểu tại sao tôi thấy thương hại anh ta và tôi nói: “Đi theo tôi, tôi sẽ dẫn anh đến gặp chủ tàu. Có lẽ ông ta sẽ có việc cho anh làm”.

Chủ tàu hỏi: “Anh có thể làm việc gì?”

- Tôi có thể làm bất cứ việc gì! Chàng trai trả lời.

- Được, ta sẽ lấy anh làm phụ bếp. Sáng mai anh đến đây nhận việc.

Chàng trai ấy xưng tên là Ba. Vì tôi đã giúp anh ta việc nhỏ ấy, cho nên anh ta rất thân với tôi, và cũng vì anh ta rất dễ yêu nên tôi cũng rất thân với anh ấy. Việc gì tôi làm được là tôi cố làm để giúp anh ta, vì anh ta chưa biết làm gì cả. Và lại, anh ấy có can đảm và nhẫn nại. Phụ bếp trên tàu, mỗi ngày anh ta phải làm: từ bốn giờ sáng, quét dọn sạch sẽ nhà bếp lớn trên tàu, rồi đốt lửa trong các lò. Sau đó đi khuôn than, rồi xuống hầm lấy rau, thịt, cá, nước đá v.v... Công việc khá nặng nhọc vì dưới bếp rất nóng và trong hầm rất rét, nhất là khi vừa phải vác một bao nặng vừa leo lên những bậc thang trong khi tàu tròn tròn.

Xong công việc ấy, phải dọn cho bọn chủ bếp Pháp ăn. Sau đấy, nhặt rau, rửa chảo nồi và đun lò lại. Công việc kéo dài suốt ngày.

Nhà bếp lo ăn cho 7, 8 trăm người cả nhân viên và hành khách. Có nhiều cái chảo bằng đồng lớn và nặng quá đến nỗi anh Ba phải kéo lê trên sàn. Và những cái nồi cao quá anh phải leo lên ghế để chùi nồi. Luôn luôn nghe tiếng:

- Ba, đem nước đây!

- Ba, đem chảo đi!

- Ba, thêm than chỗ này, thêm than chỗ kia!

Suốt ngày, anh Ba dầm nước, hơi và mồ hôi, mình đầy bụi than. Người ta thấy anh Ba phải dùng hết tinh thần và sức lực để làm cho xong công việc. Và hơn nữa vì chưa quen việc, anh phải gọt xong đồng củ cải và khoai tây. Anh không biết làm thế nào. Tôi dạy cho anh. Tôi còn nhớ một lần phải gọt măng tây. Đây là lần đầu tiên anh Ba thấy măng tây. Anh ta bắt đầu gọt trơ trụ, thì vừa lúc tôi đến. Tôi hối hả quẳng xuống bể tất cả măng đã gọt và tôi bày cho anh ta phải làm như thế nào. Nhờ thế không xảy ra việc gì.

Mỗi ngày, 9 giờ tối, công việc mới xong. Anh Ba mệt lử. Nhưng trong khi chúng tôi ngủ hoặc đánh bài, anh Ba đọc hay viết đến 11 giờ hoặc nửa đêm. Về thứ bậc anh Ba là người dưới chúng tôi, chúng tôi là những người có chức vị, còn anh Ba thì là người phụ bếp. Nhưng vì anh Ba hiểu biết - anh giúp những người bạn mù chữ của tôi viết thư về cho gia đình họ, và anh không bao giờ nói tục - vì vậy anh Ba được tất cả chúng tôi yêu mến.

Một lần, dọc đường, anh Ba suýt chết đuối. Bể nổi sóng. Làn sóng to như những quả núi chồm lên đổ xuống. Hầu hết mọi người say sóng. Như mọi ngày, anh Ba đi lên đi xuống từ bếp xuống hầm. Không thể vác những rổ rau lên vai vì tàu tròn tròn, anh phải buộc rổ rau vào dây sắt để kéo đi, chuyển thứ hai một ngọn sóng lớn thành linh phủ lên sàn tàu và cuộn xuống bể mọi vật trên sàn tàu. Cả những rổ rau và anh Ba nữa. Anh bị đẩy vào giữa cột buồm và dây xích, nhờ vậy mà thoát chết.

Cái gì đối với anh Ba cũng mới, anh phải học tất cả. Ví dụ mới đầu anh không ăn được bánh mì và bơ. Ăn xúp thì anh dùng nĩa.

Vài ngày sau tàu rời bến, có hai hành khách - hai người lính trẻ tuổi giải ngũ trở về Pháp. Tôi không hiểu tại sao hai anh này đã trở nên bạn thân của anh Ba. Họ giúp anh nhặt rau và buổi tối họ cho anh mượn những quyển sách nhỏ, dạy cho

anh đọc và viết. Và anh Ba lại dạy họ học quốc ngữ và thỉnh thoảng dấm dúi cho họ một cốc cà phê. Anh nói với tôi với một vẻ ngạc nhiên: "Anh Mai, cũng có những người Pháp tốt, anh ạ".

Hồi ấy, Bùi Quang Chiêu, kỹ sư canh nông vào làng Tây, đi tàu hạng nhất cùng với gia đình. Ông ta đưa con sang Pháp học. Trông thấy Ba, ông ta gọi anh lại và thân mật bảo:

- "Tại sao con lại làm cái nghề khó nhọc này? Bỏ nghề này đi. Con nên chọn một nghề khác, danh giá hơn...". Anh Ba lễ phép cảm ơn ông Chiêu, nhưng không nói đồng ý hay không.

Đến Mạc-xây, chúng tôi lĩnh lương; mỗi nhân viên Việt Nam được từ 100 đến 200 quan, thêm vào đấy tiền thưởng của hành khách. Anh Ba là phụ bếp chỉ được 10 quan.

Anh ta được ít lương, nhưng anh học được nhiều chuyện mới lạ. Coi tôi là bạn thân thiết nhất, anh ta nói với tôi tất cả những điều anh trông thấy và suy nghĩ.

- "Ơ! Ở Pháp cũng có người nghèo như bên ta!"

Trông thấy những gái điếm làm tiền trên tàu, Ba nói với tôi:

- Tại sao người Pháp không "khai hóa" đồng bào của họ trước khi đi "khai hóa" chúng ta, sao thế anh Mai?

Tàu điện đối với anh Ba là một chuyện kỳ lạ. Lần đầu tiên anh ta trông thấy những "cái nhà biết chạy" ấy. Cái gì cũng làm anh ta chú ý, vì cái gì đối với anh ta cũng mới cả. Luôn luôn anh ta nói:

- "Lần đầu tiên, tôi mới thấy cái này..."

Công việc trong ngày xong, tôi cho anh ta mượn bộ áo quần, và chúng tôi đi đến tiệm cà phê ở đường Ca-nơ-bia. Không cần phải nói, đây là lần đầu tiên anh ta vào tiệm cà phê và cũng là lần đầu tiên người Pháp gọi anh bằng "ông".

Sau những ngày đầu tiên ở Mạc-xây, anh Ba tóm tắt cảm tưởng của mình bằng mấy chữ:

- Người Pháp ở Pháp tốt, lễ phép hơn người Pháp ở Đông Dương.

Chúng tôi đi theo tàu lên Ha-vơ-rơ (Havre) để sửa chữa. Chúng tôi được đưa sang làm việc ở một chiếc tàu khác, trở về Đông Dương. Anh Ba không muốn trở về. Ông chủ tàu đem anh về nhà. Từ đấy, tôi không được tin tức gì của anh Ba nữa...

Không bao giờ tôi đoán rằng người bạn nhỏ của tôi, người phụ bếp, anh Ba ngây thơ, siêng năng và ngoan ngoãn ấy, lại trở thành Chủ tịch Chính phủ ta, người xây dựng nên nước Cộng hòa chúng ta.

\*\*\*

Theo địa chỉ ông Mai mách, anh Trần, người cộng tác trẻ của tôi, đến gặp ông Dân ở Nha Trang. Đây là những điều anh Trần ghi chép: Ông Dân 62 tuổi, chủ một cửa hàng nhỏ sạch sẽ và đông khách, nhà đông con. Ông ta tiếp tôi niềm nở và kể chuyện:

"Tôi có hai con trai đi Vệ quốc quân và một con gái đi cứu thương. Nhà tôi còn ba con nữa: 22, 20 và 18 tuổi, đều là đoàn viên của Đoàn Thanh niên cứu quốc. Cả ba đứa đều muốn đi Vệ quốc quân. Khi nào Tổ quốc cần đến chúng nó, tôi sẵn sàng hiến con cho Tổ quốc. Có lẽ điều đó sẽ làm cho mẹ cháu buồn, nhưng đàn bà thì bao giờ chẳng thế. Tôi cũng nên nói để ông rõ là bà nhà tôi cũng là đoàn viên Phụ nữ cứu quốc. Còn tôi, thủ quỹ của Việt Minh địa phương. Cả gia đình tôi đều làm việc Nhà nước. Cả làng này đều thế. Ai cũng là Việt Minh. Việt Minh, Việt Nam, Việt Nam, Việt Minh. Không thể có Việt Nam mà không có Việt Minh".

Ông Dân có tài nói. Ông bắt chuyện này sang chuyện khác rất thần tình. Kéo ông về câu chuyện mà tôi đặc biệt chú ý không phải là dễ. Nhưng sau tôi đã thành công.



- Có chứ, tôi còn nhớ anh Ba ấy. Chắc hẳn tôi còn nhớ anh ta mặc dầu cách đây đã 30 năm.

Tôi ở với ông chủ của tôi ở Xanh A-đơ-rét (Saint Adresse). Một ngoại ô của Ha-vơ-rơ. Một hôm, ông chủ già dẫn về một người trẻ tuổi, gầy yếu, quần áo lôi thôi nhưng có vẻ lạnh lợi. Tên anh ta là Ba. Ở nước ngoài mà gặp được một người đồng hương, thì lập tức người ta dễ trở thành bạn thân. Chúng tôi cũng vậy.

Chúng tôi ở một biệt thự, có vườn hoa. Ông chủ già khi rảnh việc thì ở câu lạc bộ thành phố. Bà chủ thường đến nhà người con gái, vợ một nhân viên của công ty. Một bà nấu bếp, một người tốt, nếu anh ta khéo nịnh thì bà ta cho anh ăn ngon, nhưng khi bà ta cáu thì như một mụ yêu tinh. Một cô sen xinh xinh hay làm dáng, có một "bà mẹ hay ốm"- "bà mẹ ốm" chính là một chàng thủy thủ. Để đi gặp tình nhân, chị ta lừa chúng tôi luôn và nói là đi thăm mẹ ốm. Trong nhà tất cả là 6 người.

Đồ đồng đánh bóng, đồ đạc lau xong, bàn ghế sạch bụi, thế là ông chủ bà chủ bằng lòng và rất tốt, luôn luôn một điều "con" hai điều "con". Nhưng phần lớn công việc do cô sen làm. Chị ta muốn cho chóng xong để đi gặp "bà mẹ ốm".

Vì vậy chúng tôi có rất nhiều thì giờ rảnh. Anh Ba dùng thì giờ, chăm bón hoa với người làm vườn hoặc giở những tờ báo có ảnh trong tủ sách ra xem. Sau khi đến được ba ngày, anh hỏi tôi: "Anh Dân, anh có biết viết chữ quốc ngữ không?". Tôi hơi thẹn nhưng trả lời thành thật: "Không, tôi không biết". Anh Ba liền giảng giải và khuyến khích tôi học. Tôi làm theo lời anh. Anh Ba cũng thế. Anh học tiếng Pháp với cô sen. Ngày nay tôi đọc được và viết được chính là nhờ anh Ba. Để trả ơn, thỉnh thoảng tôi dẫn anh Ba đi xem chiếu bóng hoặc xem xiếc.

Chúng tôi ở với nhau được độ một tháng. Một buổi chiều, người chủ già đi làm về, nói với anh Ba: "Có một chuyến tàu đi vòng quanh Châu Phi. Không có khách. Chỉ có hàng hóa.

Anh có muốn nhận làm bồi cho các sĩ quan trên tàu ấy không? Họ không đông lắm đâu, và đều là những người tốt, anh sẽ thấy anh không đến nổi vất vả ở trên tàu. Đồng ý chứ?”.

Anh Ba vui vẻ nhận lời. Sau tôi nói với anh: “Ba ơi, khí hậu ở Châu Phi rất nóng, nóng hơn ở bên ta. Và một chiếc thuyền chở hàng rất tròng trành, rất dễ làm cho anh say sóng. Đi như thế anh đại đột lắm: Nhất là một thân một mình, bầu bạn không có...” Anh Ba nói với tôi: “Anh không nên nói như thế. Tôi là thanh niên, tôi khỏe, tôi chịu được khổ. Và tôi muốn đi xem các nước”. Ngay hôm sau anh Ba đáp thuyền đi, anh có viết thư cho tôi hai ba lần, kể cho tôi nghe vô số chuyện, nói đến người da đen, người Ả Rập, nói đến xứ Tê-nê-ri-pho, xứ Lit-bon, đến những con vẹt... Anh cũng cho biết là người nấu bếp trên tàu cũng là một đồng hương tên là Bốn...”

Không để cho ông Dân nói hết câu, tôi hỏi: “Ông có biết ông Bốn ấy không?”.

- Có, tôi biết. Tôi biết chắc chắn anh ta là một người ngớ ngẩn, có khi như là một người điên. Về già, anh ta trở nên khôn ngoan hơn. Anh ta làm việc như một con bò. Anh ta lĩnh được rất nhiều tiền. Nhưng mỗi lần tàu cập bến, anh ta tiêu sài trong hai ba ngày thì hết sạch số tiền kiếm được trong hai ba tháng. Chẳng bài bạc gì. Anh ta chỉ thích đi theo gái. Anh ta xấu như con quỷ. Nhưng anh ta bắt nhân tình với một cô gái nhầy... và khi nào hết xu, chị chàng đuổi anh ra cửa.

- Bây giờ anh ấy ở đâu?

- Ông đến Quỳnh Lâm và hỏi Bốn sẹo thì ở đấy ai cũng biết. Bây giờ anh ta đã khôn ngoan hơn và được mọi người mến.

Để kết luận cuộc phỏng vấn của tôi, tôi hỏi ông Dân:

- Ông có biết anh Ba hiện nay thế nào không?

- Không, tôi rất tiếc là không biết.

- Ông có muốn tôi nói cho ông biết không?

- Còn gì bằng nữa!

- Ông quay lại xem, anh Ba ấy đây kìa. Tôi vừa nói vừa chỉ chân dung Hồ Chủ tịch treo trên bàn thờ giữa những bình hoa bình hương, đèn nến. Ông Dân quay đầu, mở to đôi mắt, há miệng gãi tai. Và ông bật lên như một cái lò xo và kêu:

“Hồ Chủ tịch! Hồ Chủ tịch của chúng ta! A di đà phật! Nhưng làm sao anh biết? Anh nói thật đấy chứ? Ờ, ờ, lạ quá nhỉ. Hồ Chủ tịch là anh Ba ấy ngày xưa. Hay quá nhỉ! Tôi sẽ kể điều đó cho bà nhà tôi nghe, cho các cháu nghe. Chúng nó sẽ mừng biết mấy! Cha của chúng nó biết cụ Hồ ngày xưa...”.

Tôi lại tìm đến ông Bốn. Tính tình ông Bốn hoàn toàn khác với ông Dân, và cũng không giống như anh Bốn trai trẻ mà ông Dân đã nói. Đây là một ông già hơn 60 tuổi, hiền lành. Với một giọng nhẹ nhàng, ông kể lại đời mình cho tôi nghe và những mối quan hệ giữa ông với anh Ba hồi ấy. Ông nói:

“Lúc còn trẻ tôi đi vòng quanh thế giới làm nghề nấu bếp trên tàu. Tôi kiếm được rất nhiều tiền. Nhưng tôi không gửi một xu nhỏ về gia đình. Tôi chạy theo một cô gái nhảy, có bao nhiêu nướng hết.

Tôi đi nhiều, nhưng tôi không thấy gì, không đọc gì. Tôi hoàn toàn dốt đặc, không biết đọc chẳng biết viết. Một lần đi trên một chiếc tàu nhỏ chở hàng, tôi có người bạn là một đồng hương trẻ tuổi, tên là Ba. Sau những giờ làm việc anh Ba viết và đọc sách. Chính anh đã khuyên tôi học chữ quốc ngữ. Anh Ba có một lối thuyết phục người rất giỏi. Nhờ những lời khuyên bảo và sự giúp đỡ của anh Ba, tôi trở nên một người khá.

Chiếc tàu nhỏ rời Ha-vơ-rơ. Đỗ lại ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, An Giê Ri, Tuy Ni Di và những cửa bể Đông châu Phi

cho đến Công Gô. Đến đâu anh Ba cũng để ý xem xét. Mỗi lần tàu cập bến, thế nào anh Ba cũng kiểm cách đi thăm thành phố. Khi trở về, anh có những ảnh và những hộp diêm đầy túi. Anh Ba thích thu thập những thứ ấy.

Đến Da-ca, bể nổi sóng rất dữ. Tàu không thể vào bờ. Cũng không thể thả ca-nô xuống vì sóng rất to. Để liên lạc với tàu, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen phải bơi ra chiếc tàu. Một, hai, ba, bốn người da đen nhảy xuống nước. Người này đến người kia, họ bị sóng bể cuốn đi.

Cảnh tượng ấy, mọi người coi là thường. Nhưng điều đó làm cho anh Ba hết sức cảm động, anh khóc. Ngạc nhiên tôi hỏi tại sao? Anh Ba buồn rầu trả lời tôi:

“Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là người tốt. Song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô nhân đạo. Ở đâu chúng nó cũng thế. Ở ta, tôi cũng thấy chuyện như thế xảy ra ở Phan Rang. Bọn Pháp cười sặc sụa trong khi đồng bào ta chết đuối vì chúng nó. Đối với bọn thực dân tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen cũng không đáng một xu”.

Chiếc tàu của chúng tôi chở rượu ngon của Boóc-đô và An Giê Ri cho những thuộc địa khác. Tất cả mọi người trên tàu dùng rượu đó. Vì rượu rất nhiều. Tôi đã trông thấy nhiều thủy thủ say rượu suốt chuyến tàu. Chỉ cần dùng một lỗ nhỏ vào thùng rượu, ấn một ống cao su nhỏ vào đấy, hút thật mạnh và để đầu ống kia vào một cái chai. Và như thế tha hồ mà uống. Nhưng anh Ba không bao giờ uống rượu và khuyên tôi không nên làm như thế.

Anh Ba rất tốt với mọi người và không bao giờ cãi cọ với ai. Nhưng anh Ba hơi khác thường. Mỗi ngày, anh dậy thật sớm để xem mặt trời mọc. Và trong những đêm trăng, anh hầu như không ngủ, anh đi đi, lại lại trên tàu, ngắm trời ngắm bể. Chúng tôi đậu lại ở Tê-nê-ríp-pho vào lúc hoàng hôn. Bể lặng sóng, hòn đảo giống như một cái chụp đèn khổng lồ để trên mặt bể, phía trên lóng lánh, phía dưới xanh xanh. Chỉ